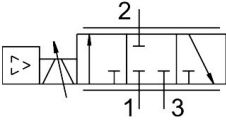


Van điều khiển tỉ lệ lưu lượng VPCF-6-L-8-G38-6-A4-E-EX2

Số bộ phận: 8041713

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	Van 3 nhánh định lượng điều chỉnh lưu lượng
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông với cảm biến áp suất tích hợp
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Kiểu vận hành	điện
Kiểu cài đặt lại	lò xo từ tính
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Nguyên lý bít	cứng
Chiều rộng định mức	6 mm
Chống chịu ngắn mạch	có
Kiểu hiển thị	Đèn LED
Phạm vi lưu lượng	0 l/ph...1000 l/ph
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.6 MPA 1 bar...6 bar
Phạm vi điều chỉnh lưu lượng	20 l/ph...1000 l/ph
Lưu ý về phạm vi điều chỉnh lưu lượng	Quy định diễn ra với tốc độ 20 l / phút; dưới giá trị tham chiếu này, van điều khiển lưu lượng chuyển sang cống xả. Dữ liệu về độ chính xác được chỉ định đề cập đến phạm vi điều khiển lưu lượng 50-1000 l/phút.
Độ chính xác lặp lại theo $\pm$ %FS	0.5 %FS
Độ chính xác tuyệt đối $\pm$ % FS ở nhiệt độ phòng	3 %FS
Độ trễ tính bằng $\pm$ % FS	0.8 %FS
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Nhiệt độ trung bình	15 °C...35 °C
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu kích thước hạt tối đa 5 μ m
Mức độ bảo vệ	IP65
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU

Đặc tính	Giá trị
Chống cháy nổ	Vùng 2 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo quy định UK EX theo các quy định UK RoHS
Danh mục ATEX Khí	II 3G
Danh mục ATEX Bụi	II 3D
Loại chống cháy nổ Khí	Ex nA IIC T5 X Gc
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tc IIIC T60°C X Dc
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	0°C ≤ Ta ≤ +50°C
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Dải điện áp hoạt động DC	20.4 V...30 V
Dao động	5 %
Tiêu thụ điện tối đa	1.2 A
Mức tiêu thụ hiện tại với đầu ra không tải	150 mA
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Đầu vào chuyển mạch	PNP
Khả năng mang hiện tại trên mỗi đầu ra	100 mA
Chống phân cực	cho điện áp hoạt động
Thời gian bật	100%
Mức tiêu thụ năng lượng điện tối đa	36 W
Dải tín hiệu đầu ra analog	4 - 20 mA
Dải tín hiệu đầu vào analog	4 - 20 mA
Chức năng chẩn đoán	Hiển thị qua đèn LED
Cổng nối điện	8 chân Mã hóa A M12x1 Phích cắm
Kiểu gắn	Gắn trực tiếp qua lỗ xuyên Gắn trực tiếp thông qua ren
Cổng nối khí nén 1	G3/8
Cổng nối khí nén 2	G3/8
Cổng nối khí nén 3	G3/8
trọng lượng sản phẩm	856 g
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Vật liệu của phốt	FPM HNBR